

LUẬT PHÁP VÀ GIA PHÁP TRONG *TRUYỆN KIỀU*

TRẦN THỊ BĂNG THANH*

Tóm tắt: Bài viết trình bày những quan sát về luật pháp và gia pháp thời Gia Tĩnh triều Minh ở Trung Quốc (khoảng giữa thế kỉ XVI) qua sự miêu tả của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*. Ở thời kì này, dẫu rằng đã có bộ *Đại Minh luật* khá quy mô và xã hội nhà Minh cũng tạm ổn định, nhưng luật pháp vẫn bị giới quan chức có quyền và kẻ có tiền lũng đoạn, luật pháp vẫn có trường hợp không được thực thi đúng như phận sự của nó; nạn nhân - những con người yếu thế trong xã hội - vẫn chịu oan khuất, không được bảo vệ. Án oan, đơn không, kể cả trọng án nhiều khi vẫn bị “chìm xuống”, chính luật pháp cũng bị lợi dụng làm công cụ. Bên cạnh luật pháp còn có gia pháp, là một thứ luật lệ riêng được đặt ra theo ý muốn các chủ gia đình, dòng họ, càng tùy tiện, không có cơ chế quản lí ước thúc. Do vậy, xã hội vẫn xảy ra nhiều bi kịch và sự bất công.

Từ khóa: Luật pháp, gia pháp, Hoạn gia, Hồ Tôn Hiến, *Truyện Kiều*, thời Gia Tĩnh.

STATUTORY LAW AND FAMILY CODES IN *THE TALE OF KIỀU*

Abstract: This paper examines statutory law and family precepts during the Jiajing era of the Ming Dynasty in China (mid-sixteenth century) as represented in Nguyễn Du's *The Tale of Kiều*. Although the comprehensive *Great Ming Code* was in effect and society was relatively stable, the legal system was vulnerable to manipulation by powerful officials and affluent individuals. As a result, the law often failed to achieve its intended objectives, leaving vulnerable individuals exposed to injustice and lacking protection. Wrongful convictions, false accusations, and major crimes were frequently concealed, while the legal framework was exploited for personal benefit. In addition to state law, family precepts operated as private regulations established by patriarchs and clans; these were frequently arbitrary and lacked effective oversight or restraint. Consequently, society continued to experience numerous tragedies and systemic injustices.

Keywords: Statutory law, family codes, the Huan family, Hu Zongxian, *The Tale of Kiều*, the Jiajing era.

Ngày nhận bài: 02.03.2026; *ngày gửi phản biện:* 03.03.2026;

ngày nhận bài sửa: 21.03.2026; *ngày duyệt đăng:* 10.05.2026.

Truyện Kiều, như giới nghiên cứu đã kết luận, được Nguyễn Du lấy cảm hứng và cốt truyện từ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân¹. Tuy nhiên, điều quan trọng không phải

* PGS.TS. – Viện Văn học. Email: tranbangthanvvh@yahoo.com

¹ Thế nhưng ngay đoạn đầu của tác phẩm, Nguyễn Du lại nhắc tên một tác phẩm khác: “Cáo thom lán dờ trước đèn/*Phong tình cổ lục* còn truyền sử xanh”. Hiện nay, trong Thư viện Quốc gia, có một văn bản 風情古錄 [*Phong tình cổ lục*], kí hiệu R987, với hai bài tựa *Kim Vân Kiều truyện tự* của Kiều Lâm Quả Viên Nguyễn Tân Cảnh và Nam Dư Hiếu Liêm Nguyễn Kì Nam. Theo sách này, *Phong tình cổ lục* là một tên gọi khác của *Truyện Kiều*. Nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Khánh đã phiên âm và chú giải *Phong tình cổ lục* (NXB Văn hóa Thông tin, 2004). Người viết chưa có điều kiện khảo sát *Phong tình cổ lục* để đối chiếu, tìm hiểu mối liên hệ giữa tác phẩm đó và *Truyện Kiều*.

là Nguyễn Du muốn kể lại một câu chuyện có nguyên mẫu bằng thứ văn chương tuyệt đỉnh, mà tác giả muốn chia sẻ với đương thế và hậu thế nỗi “đau đớn lòng” về những điều đã trông thấy nơi cuộc bể dâu trăm năm trong cõi người đời. Cuộc bể dâu ấy được ghi rõ là xảy ra vào thời Gia Tĩnh triều Minh (1368-1644), nhưng không ít điều tương tự đã xảy ra trong thế kỉ XVIII ở cả Trung Quốc lẫn Việt Nam. Câu chuyện không chỉ kể về bi kịch của một gia đình lương thiện, một giai nhân tài sắc, một mối tình thủy chung, mà còn có cả mong ước về một cuộc sống đời thường giản dị, yên bình và giấc mơ tự do của những tính cách anh hùng vượt ra ngoài khung khổ của thời đại.

Lịch sử nghiên cứu, phê bình *Truyện Kiều* đã có gần hai thế kỉ kể từ bài tựa của Mộng Liên Đường Chủ nhân. Rất nhiều nội dung, giá trị của tác phẩm đã được bàn giải, nhưng điều đó không có nghĩa là không còn vấn đề nào để khai thác, thảo luận. Có một điều tương như không quan trọng, không trực tiếp liên quan và cũng không trực tiếp chịu trách nhiệm trong việc đẩy gia đình Thúy Kiều vào hoàn cảnh bi kịch nhưng vẫn cần được xem xét, đó là luật pháp. Luật pháp, theo lí thuyết, chính là cán cân để giữ công bằng và an sinh xã hội, khi xã hội đã bước qua thời kì đức trị. Vậy thì trong xã hội *Truyện Kiều*, vị trí, vai trò của luật pháp như thế nào?

Ngay từ đầu tác phẩm, Nguyễn Du đã cho biết xã hội *Truyện Kiều* đương thời là một xã hội yên bình: “Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh/ Bốn phương phẳng lặng hai Kinh vững vàng”¹. Một xã hội yên bình là xã hội người dân phải được “thỏa sống”, như Nguyễn Trãi nói, và biểu hiện rõ nhất ở tâm tư hai lớp người yếu thế của xã hội “lão giả”, “thiếu giả” (“lão giả an chi”, “thiếu giả hoài chi”, người già cảm nhận được sống an nhiên trong xã hội ấy, trẻ con yêu xã hội ấy), và chắc chắn còn cả “khách má hồng”. Khách má hồng chịu nhiều nỗi truân chuyên khi đất trời gió bụi, nên mong chờ nhiều ở sự chở che của công lí. Muốn đạt được đến cảnh giới ấy, có trách nhiệm của quân sự, kinh tế, văn hóa, chính trị, trong đó, pháp luật đóng vai trò rất quan trọng. Theo xác nhận của giới nghiên cứu hiện đại Trung Quốc, xã hội nhà Minh thời Gia Tĩnh (Minh Thế Tông trị vì, 1521-1567) dù có những khủng hoảng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác nhưng nhìn chung vẫn khá ổn định. Hệ thống pháp luật bấy giờ vẫn theo bộ *Đại Minh luật* được ban hành từ thời Hồng Vũ (Minh Thái Tổ, 1368-1398) ở đầu triều Minh, có sửa đổi, bổ sung vài lần ở thời Vĩnh Lạc (Minh Thành Tổ, vua thứ ba của nhà Minh, trị vì từ năm 1403 đến năm 1424) và sau đó. Bộ luật gồm 460 điều, chia thành sáu bộ tương ứng với sáu Bộ trong triều (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Đây là một bộ luật hình sự - hành chính, quy định rõ tội danh, hình phạt, chức năng quan lại khá quy mô². Ngoài luật chính, còn có “luật lệ” (例), tức các điều khoản bổ sung, giải thích, hướng dẫn xử án. Nhìn về tổng thể, luật pháp thời này có thể được xem là quy củ, hệ thống và minh bạch. Nếu việc thi hành được nghiêm túc, chuẩn mực thì người dân chắc chắn được sống an nhiên trong một xã hội công bằng. Thế nhưng nhiều nghiên cứu ở Trung Quốc cũng chỉ ra rằng: Luật pháp nhà Minh gắn với tình hình thời sự, văn hóa, thêm nữa là sự suy thoái trong giới cầm quyền, nên nội dung cũng đã đi xa ý tưởng của luật mà thiên về tính răn đe, trừng phạt nghiêm khắc và bất bình đẳng. Nhà vua mãi mê Đạo giáo, bỏ bê chính sự; quyền lực lọt vào tay hoạn quan và ngoại thích; quan chức thì

¹ Các trích dẫn liên quan đến *Truyện Kiều* trong bài viết này được lấy từ Nguyễn Du, *Kim Vân Kiều tân truyện*, Nguyễn Khắc Bảo phiên chú (NXB Lao động, 2017).

² Để biết thêm về *Đại Minh luật*, xin xem: Khuyết danh, “*Đại Minh luật* và *Đại cáo*: Hai bộ luật phản ánh thực trạng xã hội đầu triều Minh (1368-1644),” Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 8 (2019): 78-86.

tham nhũng, hối lộ, xử án thiên vị, dùng luật pháp làm công cụ, không giải quyết triệt để một số vụ án lớn mà chỉ đàn áp các cuộc nông dân nổi dậy,... Có ý kiến cho rằng so với giai đoạn đầu nhà Minh (thời Hồng Vũ, Vĩnh Lạc), pháp luật thời Gia Tĩnh suy yếu và mang tính hình thức. Điều ấy đã được phản ánh trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, cũng có nghĩa là đã được phản ánh trong *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài nhân.

Đọc *Truyện Kiều*, độc giả có thể thấy xã hội trong tác phẩm xảy ra không ít chuyện ngang trái phi thiên phi pháp, nhưng pháp luật đã làm được gì? Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du có “dẫn ra” bốn lần luật pháp trực tiếp thực thi sứ mệnh, thể hiện ở bốn phiên tòa xử án sau đây:

Phiên tòa thứ nhất: Xử vụ án Vương Ông. Vụ án này có lẽ được xử ở một tòa án cấp thấp của Bắc Kinh. Gia đình họ Vương là một gia đình có danh vọng, gia tư vào bậc trung, không quá giàu có, lương thiện, vốn dòng Nho gia, đang sống yên bình, không vi phạm luật pháp. Bỗng nhiên, có đơn tố cáo Vương Ông “oa tàng” đồ ăn trộm, sai nha ập đến nhà họ Vương xét nhà, đập phá, vét “sạch sành sanh” mọi cửa cải, đến cả đồ chơi và trang sức của đàn bà con gái, rồi bắt đi hai người đàn ông trụ cột của gia đình là Vương Ông và Vương Quan. Tiếp theo, quan phủ lập tức dùng nhục hình tra khảo hai cha con Vương Ông: “Rường cao rút ngược dây oan”. Cuộc tra tấn chỉ dừng lại khi viên lại già họ Chung “từ tâm” gợi ý nhà họ Vương hối lộ 300 lạng. Nguyễn Du kết luận: “Trong tay đã sẵn đồng tiền/ Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì!”

Đây là một vụ án oan, mọi người đều biết, trời đất đều biết (“Tiếng oan dậy đất án ngờ loa mây”), chỉ riêng cơ quan hành pháp của địa phương “không biết”! Vụ án dường như diễn biến theo đúng quy trình:

* Công sai của nha môn câu kết với tên “vô lại” bán tơ, hay đúng hơn giả danh bán tơ (vì nếu là người bán tơ thực sự thì sẽ tập trung vào công việc buôn bán chứ không muốn dính dáng đến cửa quan), bày cách cho tên này đầu đơn trình mất hàng hóa và kiện Vương Ông tàng trữ số tơ lụa hấn bị mất trộm.

* Khi họ Vương bị khám nhà, lục soát, có lẽ đám nha lại không thu được tang vật gì, nhưng chúng đã vơ vét mọi của cải riêng tây, đập phá tan hoang nhà cửa, bắt giam hai người trụ cột gia đình. Việc đầu tiên của quan lại sau khi bắt người là dùng nhục hình khảo cung, nhưng thực ra là ép cung: “Rường cao rút ngược dây oan/ Dầu rằng đá cũng nát gan lọ người”. Với sức lực vẫn nhân, học trò, mấy ai chịu được những hình thức tra tấn dã man mà đến “đá cũng nát gan”, thế nên, hai người đàn ông nhà họ Vương đã nhận bừa để thoát khỏi sự đau đớn của cực hình trước mắt. Giữa lúc nguy cấp, viên nha lại lão làng trong huyện đường gợi ý một lối thoát: “lót đó luôn đây”, mà để chi đủ đường dây và các “địa chỉ” thì số tiền không hề nhỏ: “Có ba trăm lạng việc này mới xuôi”. Đó là cái giá “đã chót”, không thể mặc cả. Thời hạn lại rất gấp: “Nhũ nang quy liệu trong đôi ba ngày”.

* Lúc này, gia sản của nhà họ Vương đã bị “túi tham” của bọn nha lại vét “sạch sành sanh”, họ tìm đâu ra ba trăm lạng trong “đôi ba ngày”? Trong nhà chẳng có gì đáng giá để bán ngoài Thúy Kiều, người con gái lớn tài sắc, vốn được nâng niu, bảo bọc “phong gấm rủ là”, vừa tới tuổi cài trâm! Kiều phải tự đưa ra quyết định nghiệt ngã nhất: “Rẽ cho để thiếp bán mình chuộc cha”. Cuối cùng, sau khi Kiều bán mình, gia đình họ Vương đã có tiền lo lót, vụ án được đình chỉ: “Lẽ tâm đã đặt, tụng kì cũng xong”.

Có thể thấy, vụ án Vương Ông thực chất không hề có án mà chỉ là một câu chuyện vu khống. Bọn vô lại dựng chuyện, tố cáo khống, lại viên trong giới chức môi giới, quan lại câu kết với bọn vô lại đòi hối lộ, Kiều phải bán mình lấy tiền “chạy án” chuộc cha về. Xét trong vụ án này, luật pháp và cơ quan hành pháp chỉ là công cụ để kiếm tiền cho nhà quan. Tiền là mục tiêu của nhà quan chứ không phải công lí. Tệ nạn ấy quen thuộc, phổ biến, không ai lạ gì, nhưng dường như dư luận xã hội và cả nạn nhân đều bám víu lấy phương châm “tòng quyền” để cam chịu: “Một ngày lạ thói sai nha/ Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền/ Sao cho cốt nhục vẹn tuyền/ Trong cơn ngộ biến tòng quyền biết sao!”.

Phiên tòa thứ hai do quan huyện Lâm Tri xét xử. Thúc Sinh vi phạm tội “hôn nhân bất chính” và tội “bất hiếu” vì không tuân lời cha mà lấy một kĩ nữ là Kiều làm vợ lẽ, trong khi đó, luật pháp lúc bấy giờ quy định rõ rằng sĩ tử không được cưới kĩ nữ hoặc con hát, dù làm vợ cả hay vợ lẽ, nếu vi phạm thì có thể bị cấm thi. Thúc Ông đầu đơn kiện con, Thúc Sinh và Kiều đều bị giải lên công đường. Quan tòa kết án: “Dạy cho má phấn lại về lầu xanh”. Tuy nhiên, chính phán quyết này lại là một sự vi phạm luật pháp. Luật cho phép sương nữ hoàn lương, nhưng không có điều nào bắt sương nữ đã hoàn lương phải trở lại làm kĩ nữ. Trong trường hợp đó, luật pháp cũng cho phép hôn thú được thực hiện, đương sự chỉ bị biếm hai tư (hạ nửa bậc quan hàm). Trước phán quyết của quan huyện Lâm Tri, Kiều xin chịu hình phạt, không chịu trở lại lầu xanh. Sau khi xét hỏi, quan huyện bắt Kiều làm thơ, vì thương nét yêu tài nên đã tha bổng Kiều, lại tổ chức đám cưới cho Kiều và Thúc Sinh. Quan vì lòng nhân ái nên không ép buộc hoặc bán lại người đã hoàn lương vào kĩ viện. Tuy nhiên, ông đã phạm luật khi bỏ qua cho Thúc Sinh tội cưới kĩ nữ làm vợ lẽ. Nếu xử đúng theo điều luật “hôn nhân bất chính” thì Thúc Sinh phải bị cấm thi và ảnh hưởng đến công danh sự nghiệp cả một đời.

Phiên tòa thứ ba: Kiều là quan tòa xử án ở triều đình Từ Hải. Phiên tòa này thực chất là một cuộc báo ân báo oán, chánh án chính là nạn nhân tự đòi lấy công bằng cho mình. Kiều không phải quan tư pháp, chắc cũng chưa am tường về luật, trong lòng lại đang canh cánh đôi đường ân oán, thế nhưng Từ Hải vẫn “phó cho mặc năng”. Đương nhiên khi pháp luật được thực thi với sự dặt dắn của tâm lí ân oán, tránh sao khỏi những quyết định cảm tính. Quả thật, điều đó đã xảy ra: Kiều tha Hoạn Thư, người chủ mưu, nhưng lại xử tội tòng phạm và người thừa hành là Hoạn Bà và bọn Ứng, Khuyển. Mặc dù vậy, các tội danh trong phiên tòa này đều đích đáng. Có điều, người đại diện tối cao cho công lí ở phiên tòa lại là Từ Hải, kẻ phân loạn, đối lập với triều đình, nếu xét theo pháp luật chính thống thì đó là người vi phạm luật pháp lớn nhất, đáng bị xét xử nhất.

Phiên tòa thứ tư diễn ra khi Kiều hầu rượu trong dinh quan Tổng đốc Hồ Tôn Hiến. Về lí, Kiều có thể bị bắt vào công đường để tra khảo vì nàng là vợ tướng giặc Từ Hải, nhưng Tổng đốc lại không có điều gì hỏi tra, chỉ bắt nàng hầu đàn hầu rượu mua vui và cuối cùng tư thông với nàng. Sáng hôm sau, khi tỉnh cơn say, Tổng đốc mới nhớ đến “phương diện quốc gia” của mình, sợ “Quan trên trông xuống người ta trông vào”, nghĩa là cũng biết mình phạm luật, Tổng đốc mới vội chữa thẹn (hay che giấu tội) bằng cách “thủ tiêu” nhân chứng, gán Kiều cho một viên Thổ quan ngoài biên giới.

Nếu căn cứ theo *Đại Minh luật* thì Hồ Tổng đốc phạm đến ba tội: dùng quyền thế để cưỡng

chiếm, dùng quyền thế để ép duyên và hứa hẹn rồi nuốt lời. Vốn dĩ Hồ Tôn Hiến dụ Kiều khuyên Từ Hải ra hàng, hứa nếu sự việc kết quả, Từ Hải không những được xóa tội mà còn được phong chức, Kiều sẽ có cuộc sống yên bình “phu quý phụ vinh”. Nhưng ngay sau đó, trong lễ Hội thê, Hồ Tôn Hiến đã lật lọng, phục binh giết Từ Hải. Kiều đau đớn nhận ra sai lầm vì sự cả tin của mình và bộ mặt thật của vị quan lớn đại diện cho triều đình, cho pháp luật. Để xoa dịu Kiều, Hồ Tôn Hiến lại hứa: “Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào”. Kiều đã hết mọi hi vọng viễn vông, chỉ xin về quê để sống những ngày tàn bên cha mẹ: “Hơi tàn được thấy gốc phần là may”. Kì thực, Hồ Tôn Hiến không mất gì nếu thành toàn cho Kiều, nhưng vẫn nuốt lời không thực hiện, bởi nàng là nhân chứng cho sự kém tài, hám sắc, thiếu đạo đức của ông ta. Chính vì vậy, Kiều phải “biến mất” khỏi vùng đất này, nhưng Hồ Tôn Hiến không thể giết Kiều nên đành gán nàng cho viên Thổ quan. Ngồi trên chiếc thuyền hoa ngày vu quy, Kiều thắm thía nỗi đau đớn và sự nghiệt ngã của việc đặt niềm tin nhầm chỗ. Hoàn toàn tuyệt vọng, nàng nhảy sông tự tử. Sự việc không được điều tra, truy cứu, quan Tổng đốc vẫn bình yên, vinh hiển đến cuối đời. Luật pháp không lên tiếng khi mọi oan trái này diễn ra.

Nhìn chung, ở cả bốn phiên tòa, luật pháp đều bị các nhà hành pháp cậy quyền, tham nhũng vận dụng một cách tùy tiện. Luật pháp chỉ mang tính hình thức, không có được vai trò cân cân công lí, mà biến thành công cụ, bị thao túng bởi tiền tài và quyền lực. Ngay cả trong phiên tòa được lập ra để đòi lại công bằng cho nạn nhân, luật pháp cũng không thực sự có vai trò dẫn dắt.

Đương thời, bên cạnh luật pháp chính thức có tính chất quan phương, quy phạm quốc gia, còn có một thứ luật riêng, được xác lập bởi quyền lực cá nhân hay gia tộc, được gọi bằng một tên rất trang trọng: gia pháp. Gia pháp thực ra có ý nghĩa tích cực đối với mỗi gia đình, nó là nền nếp để con cháu giữ gìn truyền thống gia tộc, tu dưỡng bản thân. Nhưng gia pháp cũng là thứ có thể vận dụng tùy tiện, không có một cơ chế nào giới hạn, không có luật định làm khung hình, nó được đặt ra và thực thi theo ý và quyền của chủ nhân gia tộc. Đọc *Truyện Kiều*, có thể thấy gia pháp có mặt khắp nơi. Nếu như gia pháp nhà họ Hoạn (Hoạn Bà, Hoạn Thư) nhằm mục đích giữ quyền uy, thì gia pháp của giới buôn người như Tú Bà, Bạc Bà là để bảo vệ thế lực làm ăn. Gia pháp có công cụ bạo lực để uy hiếp những người liên quan, phụ thuộc, dưới quyền, khiến họ phải phục tùng. Khi sai thuộc hạ đánh Kiều, Tú Bà không e dè mà tuyên bố rõ mục đích: “Phải làm cho biết phép tao”; “Con kia đã bán cho ta/ Nhập gia phải cứ phép nhà tao đây”. Sau này, khi đánh Kiều, Hoạn Bà cũng nói: “Nào là gia pháp nọ bay/ Hãy cho ba chục biết tay một lần”. Gia pháp muôn hình muôn vẻ, không bị ràng buộc, quản lí bởi luật pháp. Nếu trong thực tế, luật pháp thường được vận dụng theo ý muốn của vị quan đương chức, công minh hay mờ ám cơ bản đều phụ thuộc nhân cách và tài năng của pháp quan, thì gia pháp được đặt ra và chỉ đạo thi hành phụ thuộc vào ý muốn khẳng định quyền uy và bảo vệ lợi ích của chủ nhân và trật tự gia tộc. Nó đem đến nhiều rủi ro hơn cho thành viên trong các gia tộc ấy, bởi vì ở đây, ngoài quan hệ huyết thống, sự gắn bó tình cảm, còn bao gồm cả những thành phần là đối tượng sở hữu, là vốn liếng của chủ nhân. Kiều có lần đã vạch thẳng điều đó ra với Tú Bà: “Nhưng tôi có sá chi tôi/ Phận tôi đành vậy vốn người để đâu?”. Kiều vào nhà Tú Bà với tư cách là một món hàng được mua về để bán, cho thuê kiếm lời. Thề xác và cả tinh thần Kiều đều là vốn của Tú Bà, không còn là của Kiều nữa. Vì vậy, nếu Kiều tự hủy hoại thân mình (tự tử, tự gây thương tích), thì nàng sẽ làm tổn hại đến chất lượng “món hàng” của Tú Bà, thế nên, Tú Bà phải can thiệp để bảo

tồn hàng hóa, bảo vệ vốn liếng của mình. Khi ấy, gia pháp sẽ được mù chủ lầu xanh dùng làm lí lẽ, làm công cụ để áp chế Kiều.

Trong 15 năm luân lạc, những đau khổ cả về thể xác lẫn tinh thần mà Kiều phải chịu đựng chủ yếu đều là kết quả của việc vi phạm gia pháp làm lí lẽ. Nếu Tú Bà lấy gia pháp bắt Kiều tiếp khách thì Hoạn Bà lấy danh nghĩa gia pháp để sai gia nhân đánh Kiều một trận “chí mạng” khi nàng kể về cuộc sống đầm ấm của nàng khi ở Lâm Tri cùng Thúc Sinh. Có lẽ Kiều cũng không hiểu vì lí do gì mà mình lại bất thành linh bị phạt đòn khi nàng đã nghe lời Hoạn Bà mà thành thật khai hết: “Sự mình nàng hãy cứ mà gửi thưa/ Bất tình nổi trận mây mưa/ Nhiếc nàng: ‘Khéo giống bơ thờ quen thân/ Con này chẳng phải thiện nhân/ Chẳng phường trốn chúa thì quân lộn chồng/ Ra tuồng mèo mả gà đồng/ Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào/ Đã đem mình bán cửa tao/ Lại còn khùng khinh làm cao thế này’”. Kiều vốn dĩ được Thúc Sinh cưới làm vợ lẽ, quan phủ còn chính thức chủ trì hôn lễ. Nàng là một nàng dâu nét na, sống kín tiếng trong gia đình, bố chồng cũng có lòng thương yêu. Bỗng dưng nhà bị đốt, người bị bắt cóc, nàng là nạn nhân, không hiểu vì sao lại hóa thành tuồng hư hỏng “mèo mả gà đồng”, “trốn chúa lộn chồng”, phải lấy gia pháp mà trị tội. Không có cơ quan pháp luật nào tra xét vụ phóng hỏa bắt người của Hoạn Bà mà chính Hoạn Bà lại sai gia nhân đem nạn nhân ra trị tội. Trong sự kiện này, Hoạn Bà và Hoạn Thư cho thấy sự tráo trở và coi thường luật pháp khi ngang nhiên đổi trắng thay đen: Hoạn Thư sai bọn gia nhân là Ứng, Khuyển đem thuyền đến phóng hỏa đốt nhà, bỏ thuốc mê rồi bắt cóc Kiều đưa về nhà Hoạn Bà. Hoạn Thư chính là tội phạm chủ mưu, Ứng Khuyển là kẻ thừa hành, Hoạn Bà là người chứa chấp. Vậy mà Hoạn Bà lại ngang nhiên tuyên bố: Kiều bị bán cho bà, nhưng khùng khinh làm cao, phải lấy gia pháp làm lí lẽ để trị tội, sai gia nhân đánh Kiều ba mươi gậy. Nhà họ Hoạn danh giá ý quyền phạm pháp, lại lợi dụng pháp luật, lấy khung hình gia pháp xử phạt nạn nhân.

Mọi gia nhân trong nhà đều biết hành động trái pháp luật của họ Hoạn, nhưng họ không dám lên tiếng. Bà Quản gia thương Kiều, sau trận đòn chỉ lên căn dặn: ở đây, thân phận những người như họ rất nhỏ nhoi, không được nhìn, không được nói, lỡ vô tình có thể phạm vào điều gì đó của gia pháp mà chính họ không biết: “Ở đây tai vách mạch rừng/ Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi/ Kéo khi sấm sét bất kì/ Con ong cái kiến kêu gì được oan”. Không chỉ một mình Kiều mà mọi kẻ phụ thuộc trong nhà họ Hoạn đều là “con sâu cái kiến”. Hoạn Thư muốn giữ kín “chước mầu” đánh ghen của mình, “xuống lệnh ra uy” bẻ răng vỡ miệng, dùng hình phạt rất nặng để trừng trị người đã có công báo cho nàng biết chuyện trăng hoa của chồng. Hoạn Thư cũng vận dụng gia quy để thực hiện màn bạo hành tinh thần: bắt Kiều hầu rượu vợ chồng nàng trong bữa tiệc tẩy trần khi Thúc Sinh trở về từ Lâm Tri sau “tang lễ” Kiều.

Sau khi thoát khỏi nhà họ Hoạn, Kiều lại rơi vào tay Bạc Bà. Lúc này, họ Bạc dùng pháp luật để hù dọa Kiều, đẩy Kiều vào lầu xanh lần thứ hai. Bạc Bà không dám ngang nhiên bán Kiều, vì nàng là người gửi gắm của Giác Duyên, vị sư trụ trì ngôi chùa mù vẫn đến để cầu tài cầu phúc. Lại không muốn lộ diện là kẻ buôn người, Bạc Bà bèn dọa dẫm là Kiều đang mang tiếng tội phạm đào tẩu, có thể vẫn đang bị truy nã, khiến Kiều sợ hãi “tự nguyện” theo kế của mù, lấy chồng thật xa để không còn “ai biết ai” nữa. Kiều đã nghi ngờ cuộc “xe dây” này, nhưng nàng không thể trái lời, cũng không thể nhờ ai can thiệp, nàng như người chết đuối vớ lấy bọt, bắt Bạc Sinh thề cũng chỉ là để tự trấn an, hoặc một chút hi vọng mong manh rằng buộc họ Bạc, thực tâm có thể Kiều cũng không tin. Từ lúc gia biến xảy ra, Kiều đã không ít

lần nhận được lời thề: Mã Giám Sinh thề, Sở Khanh thề, Tú Bà thề, Thúc Sinh cũng thề, nhưng chưa một lời thề nào được thực hiện. Thần minh cũng không bảo trợ, phân xử cho nàng; những kẻ bội ước vẫn chẳng bị trừng phạt như lời thề.

Không những thế, như Nguyễn Du miêu tả, luật pháp, gia pháp và nhiều thứ khác trong thế giới *Truyện Kiều* đều có thể mua được bằng tiền. Vương Ông đã được xóa án bằng ba trăm lạng. Không rõ Thúc Sinh đã bỏ bao nhiêu tiền để mua Kiều, nhưng tác phẩm kể rằng Tú Bà biết Thúc Sinh nhiều tiền lại hào phóng nên càng có “tô lục chuốt hồng” cho Kiều và chàng Thúc đã phải “cửa dẫn tay trao” để đưa được Kiều hoàn lương. Sau này, Kiều lại bị lừa bán vào lầu xanh, Từ Hải phải mất tiền trăm để chuộc Kiều: “Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn”. Kiều và các ân nhân của Kiều cùng công lí đều thua thế lực của quyền và tiền. Cho đến tận cuối *Truyện Kiều*, người đọc cũng không thấy công lí được thực thi, pháp luật bảo vệ được người lương thiện. Cuối cùng, Thúy Kiều tuyệt vọng nhảy xuống sông Tiền Đường, “đánh thân cát dập sóng vùi”. Cuộc đoàn viên tròn trặn là nhờ một phép màu, một quyền lực siêu nhiên, sự ban phát của trời Phật. Suy cho cùng, đó chỉ là ước mơ an ủi, không thấy bóng dáng của pháp luật can thiệp.

Qua sự miêu tả của ngòi bút Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*, có thể thấy xã hội thời Gia Tĩnh triều Minh ở Trung Quốc trên danh nghĩa là một giai đoạn yên bình vững trị, như thể luật pháp đã trở thành trụ cột cho việc quản lí quốc gia. Tuy nhiên, mười lăm năm lưu lạc của nhân vật Thúy Kiều lại là bằng chứng cho thấy luật pháp chủ yếu là công cụ trong tay giới cầm quyền. Trước quyền lực càng cao, luật pháp càng nhỏ. Trong *Truyện Kiều*, có bốn phiên tòa lớn, bốn đại án, nhưng chưa có một quan chức quyền thế nào bị đưa ra xét xử. Trong số đó, có hai sự kiện vi phạm pháp luật nghiêm trọng là đường dây hối lộ trong vụ án Vương Ông ở một địa phương của Bắc Kinh và việc quan Tổng đốc Hồ Tôn Hiến hám sắc “sát phu cường phụ”, thế nhưng, không có viên quan nào bị pháp luật soi chiếu đến. Trong khi đó, gia đình họ Vương bị vu cáo, bị tra xét, phải bán con gái lấy tiền để đút lót cả một đường dây thi hành án, cuối cùng tài sản khánh kiệt, gia đình phiêu tán, con gái thành kĩ nữ, nhưng tất cả nạn nhân của vụ án oan sai ấy chưa bao giờ được pháp luật trả lại công bằng. Gia pháp thì lại càng được vận hành một cách tùy tiện, vì phụ thuộc vào quyền uy, tâm trạng và toan tính của chủ gia đình. Nạn nhân của hai “pháp” đó là những người có thân phận thấp bé, yếu thế. Bức tranh xã hội trong *Truyện Kiều* đã phơi bày rất rõ sự lũng đoạn của tiền và quyền – hai thế lực khiến “luật” đi kèm với “lệ” mà trong nhiều trường hợp, “luật” đã đi xa mục đích ban đầu của nó và trở nên suy thoái.

Ô Đông Lâm, Hà Nội, 2026

Tài liệu tham khảo

- Bùi Khánh Diễm. *Kim Vân Kiều chú thích*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2025.
- Khuyết danh, “*Đại Minh luật và Đại cáo: Hai bộ luật phản ánh thực trạng xã hội đầu triều Minh (1368-1644)*,” Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 8 (2019): 78-86.
- Nguyễn Du. *Kim Vân Kiều tân truyện*. Nguyễn Khắc Bảo phiên chú. NXB Lao động, 2017.
- 金雲翹新傳 [*Kim Vân Kiều tân truyện*]. Thư viện Quốc gia Anh, kí hiệu: OR14844.